

Tỉa Đình, ngày 22 tháng 08 năm 2024

## CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Trường Mầm non Tỉa Đình công khai hoạt động của nhà trường

### A. Mục 1 CÔNG KHAI CHUNG

## II. Điều 5: THU, CHI TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài chính của Trường mầm non Tỉa Đình năm 2024

#### a. Các khoản thu

- Ngân sách nhà nước: 0

- Học phí: Năm học 2024-2025

Đối với trẻ tại vùng III (trẻ dân tộc vùng ĐBKK) 7.500đ/HS/1 tháng.

#### b. Các khoản chi thường xuyên

- Tiền lương của CBGVNV (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho CBQL, GV, NV) 35 người.

Số tiền 5.668.000.000đ/1 năm

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua khen thưởng): không có

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo

- Học phí: Năm học 2024-2025

Đối với trẻ tại vùng III (trẻ dân tộc vùng ĐBKK) 7.500đ/HS/1 tháng.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

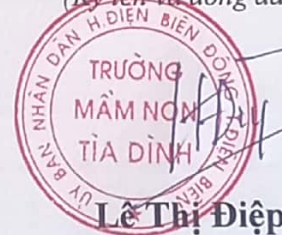
Kinh phí cấp bù MGHP: 56.227.500đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Tỉa Đình, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Thị Điệp

TìA DÌNH, ngày 22 tháng 08 năm 2024

### CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Trường Mầm non TìA DÌNH công khai hoạt động của nhà trường

#### B. Mục 2 CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

#### I. Điều 7: KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

7.2. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			18-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>						
1	Số trẻ em nhóm ghép	428	54	66	93	106	109
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	428	54	66	93	106	109
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>	428	54	66	93	106	109
<b>III</b>	<b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	428	54	66	93	106	109
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	428	54	66	93	106	109
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	384	49	52	81	96	104
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	8	5	12	12	10	5

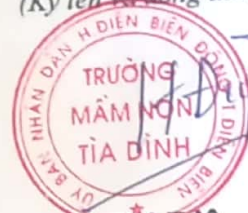


nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	384	49	52	81	96	104
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	8	5	12	12	10	5
5	Số trẻ thừa cân béo phì						
<b>VI</b>	<b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>	428	54	66	93	106	109
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	120	54	66			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	308			93	106	109

Tia Đình, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên và đóng dấu)



**Lê Thị Diệp**

